TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 111/2018/DS-ST
Ngày: 30- 8- 2018
V/v "T/c hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Màu;
2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2017/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2017, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1372/2018/QĐST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1467/2018/QĐST-DS, ngày 10 tháng 8 năm 2018 của TAND huyện T, tỉnh B, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1973(Có mặt).
Địa chỉ: 209 C, Phường H, TP P, tỉnh G.
Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Trung, sinh năm 1951, đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 25/8/2016.(Có mặt).
Địa chỉ: Thôn L, xã N, TX A, tỉnh B.
2.*Bị đơn*: Ông Trần Văn A, sinh năm 1947(Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã P,huyện T, tỉnh B. 3.*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
Bà Hà Thị Lệ Th, sinh năm 1972(Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn P, xã P,huyện T, tỉnh B.
Ông Nguyễn Tấn H , sinh năm 1972(Có mặt)
Địa chỉ: 209 Cách Mạng Tháng 8, Phường Hoa Lư, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 09 năm 2016, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Tấn Tr là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Ngày 14/01/2015 vợ chồng chị Phạm Thị Tuyết M, anh Nguyễn Tấn H có đặt vấn đề với ông Trần Văn A ở P, xã P,huyện T, tỉnh B để mua xe mô tô 3 bánh với

giá 48.000.000đ. Đến ngày 18/01/2015 ông A mang xe 3 bánh biển kiểm soát 61L9-1139 đến nhà vợ chồng chị M giao xe, giấy tờ xe mang tên Đỗ Minh H, nhận tiền, viết giấy bán xe. Chị M tin tưởng có giấy chứng nhận. Vợ chồng chị M sử dụng đến ngày 29/02/2016 thì bị Cảnh sát giao thông Công A TP P, tỉnh G kiểm tra và phát hiện giấy tờ đăng ký xe là giả, nguồn gốc chủ xe chưa xác định được. Do đó vợ chồng chị M yêu cầu ông A trả số tiền mua xe theo giá trị còn lại tại thời điểm Hội đồng đã định giá là 36.000.000đ.

Bị đơn ông Trần Văn A đã được tống đạt hợp lệ,vẫn cố tình không đến Tòa nhưng có các bản trình bày như sau: Ông làm nghề mua bán xe mô tô 3 bánh, vào khoảng đầu năm 2015 anh H có đến nhà ông hỏi mua xe mô tô 3 bánh. Sau khi xem xe anh H chọn 01 chiếc và hai bên thống nhất giá là 48.000.000đ. Lúc đầu anh H không hỏi về nguồn gốc, nhưng anh biết rõ xe này đứng tên đăng ký là Đỗ Minh H. Còn về nguồn gốc xe này ông mua của người tên là Tuấn ở bến xe Miền Đông chứ không biết họ tên, địa chỉ ở đâu, khi mua xe ông cũng không yêu cầu anh Tuấn sang tên chính chủ. Giữa ông với anh H thỏa thuận ông giao xe cho anh H tại nhà anh H và anh H giao đủ 48.000.000đ cho ông. Sau khi nhận xe anh H cũng không yêu cầu sang tên chính chủ, cũng không hỏi về nguồn gốc xe. Nay vợ chồng chị M , anh H yêu cầu ông trả lại 48.000.000đ vì xe này có giấy tờ giả nên bị tịch thu thì ông không đồng ý. Vì xe này ông mua của người khác, giấy tờ xe giả ông cũng không biết và chị M anh H đã sử dụng hơn 01 năm nên không thể yêu cầu ông bồi thường.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn H trình bày:*Anh là chồng chị M, thống nhất như lời khai và yêu cầu của chị M và người đại diện của chị M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Lệ Th đã được tống đạt hợp lệ các vản bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều không có bản khai trình bày.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Vì trong vụ án này khi thực hiện việc mua bán tài sản là xe mô tô 03 bánh biển số 61L9-1139 các bên chỉ viết giấy tay không công chứng, theo quy định pháp luật thì giao dịch này phải được công chứng, hơn nữa việc mua bán không chính chủ, ông A mua của anh Tuấn nhưng không rõ địa chỉ, giấy tờ đăng ký đứng tên Đỗ Minh H và cũng không thực hiện chuyển tên chính chủ. Ngoài ra xe này bị Công A TP P tịch thu do giấy tờ đăng ký xe là giả. Do đó xuất phát từ giao dịch hợp đồng mua bán nên các bên tranh chấp thì xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản, Hợp đồng này vi phạm về hình thức lẫn nội dung nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu. Xét về lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu chính là do ông A bán xe không chính chủ và xe có giấy tờ đăng ký giả nên lỗi chính thuộc về ông A. Tuy nhiên bên mua cũng có lỗi không yêu cầu mua xe chính chủ, không thực hiện chuyển tên chính chủ. Về giá trị chiếc xe tại thời điểm định giá là 36.000.000đ, xét về lỗi chia tỷ lệ ông A 2/3, chị M anh H 1/3, nên đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng Điều 124, 127, 134, 137, 401, 429, 439, 440 BLDS năm 2005 buộc ông A hoàn trả cho chị M, anh H 24.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:Việc chị M yêu cầu ông A bồi thường thiệt hại do mua xe có giấy tờ giả, nhưng xuất phát từ quan hệ mua bán tài sản thông qua hợp đồng nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án có bị đơn là ông Trần Văn A đang cư trú thôn P, xã P,huyện T, tỉnh B; Vụ án không có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B theo qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T. Đối với việc Tòa án đã tiệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn là ông Trần Văn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thị Lệ Th vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2].1. Vợ chồng chị Phạm Thị Tuyết M và anh Nguyễn Tấn H yêu cầu ông Trần Văn A trả lại 36.000.000đ giá trị xe mô tô 03 bánh tại thời điểm Hội đồng định giá thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị M, anh H có mua xe mô tô 03 bánh biển số 61 L9-1139, giấy đăng ký đứng tên Đỗ Minh H của ông Trần Văn A với giá 48.000.000đ vào ngày 14/01/2015 là có thật, ông A viết giấy bán xe, giao xe và nhận tiền đầy đủ. Theo quy định pháp luật khi thực hiện giao dịch dân sự này buộc các bên khi thực hiện giao dịch mua bán xe phải chính chủ, hợp đồng được thiết lập có công chứng, chứng thực và và sang tên để đăng ký sở hữu. Tuy nhiên giao dịch giữa hai bên chỉ viết giấy tay không có công chứng, chứng thực, hai bên không có thỏa thuận về sang tên chính chủ. Ngoài ra, mặc dù biết rõ xe này đứng tên đăng ký là Đỗ Minh H nhưng chị M anh H không yêu cầu ông A sang tên cho mình. Đến khi bị Công A TP PeiKu kiểm tra phát hiện đăng ký xe trên là giả và thu hồi xe thì chị M mới khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại. Yêu cầu của chị M xác định là yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng xuất phát từ giao dịch mua bán xe nên Tòa xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Trong vụ án này khi ông A và chị M, anh H ký kết giao dịch mua bán xe cả hai đều không yêu cầu chuyển giấy tờ xe sang chính chủ. Nếu chị M anh H yêu cầu sang tên chính chủ theo quy định thì đã phát hiện ngay sau khi mua xe có giấy tờ giả chứ không để đến khi bị Công an kiểm tra mới phát hiện, hoặc nếu xe có giấy tờ hợp pháp thì cũng chỉ bị xử phạt hành chính. Đối với ông A khi mua xe cũng phải biết rõ nguồn gốc xe, còn việc ông khai mua của anh Tuấn không biết rõ ở đâu, khi mua bán cũng không sang tên chính chủ, mà xe mô tô 3 bánh biển số 61L9-1139 có giấy đăng ký đứng tên Đỗ Minh H, hiện do Công an Tp PleiKu đã tịch thu vào ngày 12/7/2018 theo quyết định số 901/QĐ-TTTVPT, vì xe này có giấy đăng ký giả, không xác định được chủ sở hữu nên đây là lỗi thuộc về ông A. Chính điều này

cho thấy ông A không đảm bảo quyền sở hữu cho vợ chồng chị M khi bán chiếc xe nói trên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị M, anh H. Vì giao dịch mua bán xe mô tô biển số 61L9-1139 giữa ông A với vợ chồng chị M, anh H không tuân thủ hình thức, mua bán không chính chủ, giấy đăng ký xe là giả nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 410 BLDS năm 2005 xác định hợp đồng mua bán xe giữa ông A với vợ chồng chị M vô hiệu. Tuy nhiên ngày 05/4/2017 Hội đồng định giá xác định chiếc xe này có giá trị là 36.000.000đ. Từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ Điều 137 BLDS năm 2005 xác định yêu cầu của vợ chồng chị M anh H đối với ông A về việc yêu cầu ông A trả lại giá trị xe tại thời điểm định giá cho anh chị là đúng nhưng xét về lỗi thì do lỗi của ông A và vợ chồng chị M đều có lỗi nên chỉ chấp nhận ½ yêu cầu.

Đối với việc Công A TP Pleiku tịch thu chiếc xe nói trên theo Quyết định số 901/QĐ-TTTVPT, ngày 12/7/2018 nhưng chị M, anh H không khiếu nại về quyết định này nên Toà không xét.

[2] 2. Về chi phí định giá tài sản: Ông A phải chịu 1.000.000đ, chị M anh H chịu .1000.000đ. Tiền tạm ứng chi phí này chị M đã nộp, nên buộc ông A phải hoàn trả lại cho chị M 1.000.000đ.

[4] Về án phí DSST: Ông A phải chịu 900.000đ, vợ chồng chị M phải chịu 900.000đ sung ngân sách nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 1.200.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí nên hoàn trả lại cho chị M 300.000đ.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T xác định vụ án này là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều137, Điều 410 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Tuyên bố hợp đồng mua bán xe mô tô 3 bánh biển số 61L9-1139, lập ngày 18/01/2015 giữa ông Trần Văn A với anh Nguyễn Tấn H là vô hiệu.

-Buộc ông Trần Văn A phải trả cho vợ chồng chị Phạm Thị Tuyết M và Nguyễn Tấn H số tiền 18.000.000đ.

-Bác yêu cầu của chị M anh H yêu cầu ông A trả 18.000.000đ.

-*Về chi phí định giá tài sản* : Ông A phải chịu 1.000.000đ, chị M anh H phải chịu 1.000.000đ. Tiền tạm ứng chi phí này chị M đã nộp, nên buộc ông A phải hoàn trả lại cho chị M 1.000.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành của bên được thi hành, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản đã tuyên thì hàng tháng phải chịu lãi xuất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 ứng với khoản tiền chậm thi hành.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông A phải chịu 900.000đ, buộc anh H chị M cùng phải chịu 900.000đ sung Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị M đã

nộp 1.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0001958, ngày 14/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí nên hoàn lại cho chị M 300.000đ.

-*Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/8/2018). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy đinh tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự ,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng KTNV TAND tỉnh B .
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy